ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG
Số: TVHN-292/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 19 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng; diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống nhanh, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống nhanh. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 18/10 trên các sông, kênh thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 95-165cm. Mực nước cao nhất tại trạm Châu Đốc dưới BĐ1 75cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống nhanh. Mực nước cao nhất ngày 18/10 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 20-100cm. Mực nước cao nhất rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới và trên sông Hậu tại Long Xuyên đạt BĐ1, trên sông Vàm Nao tại Phú Tân dưới BĐ1 46cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất ngày 18/10 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 phổ biến từ 10-50cm. Mực nước cao nhất trên kênh Vĩnh Tế; kênh T3; kênh T5; kênh Tám Ngàn và kênh Tri Tôn tại Tri Tôn dưới BĐ1 từ 25-80cm. Mực nước cao nhất tại các trạm còn lại phổ biến trên BĐ1 từ 10-35cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 18/10 là 57cm, thấp hơn đỉnh triều ngày hôm trước 14cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế xuống chậm theo triều trong 2 ngày tới, sau có xu thế lên chậm lại.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, có xu thế xuống chậm theo triều trong 1-2 ngày tới, sau có xu thế lên chậm. Mực nước cao nhất trên sông Hậu tại Long Xuyên đạt BĐ2 và trên Rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới trên BĐ1 10cm.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn xuống chậm theo triều tới ngày 23/10.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động sản xuất địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 20/10/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 18/10		So với 17/10	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Dự báo				
		BĐ1	BĐ2	BĐ3						19/10	20/10	21/10	22/10	23/10
Tiền	Tân Châu	350	400	**450**	Hmax	**226**	-15 ▼	-149 ▼	-126 ▼	220	215	220	225	230
					Hmin	**181**	-10 ▼	-172 ▼	-153 ▼	175	170	165	170	175
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	**300**	Hmax	**200**	-16 ▼	-104 ▼	-56 ▼	190	195	200	205	210
					Hmin	**130**	-7 ▼	-120 ▼	-88 ▼	125	130	135	141	145
Hậu	Khánh An	420	470	**520**	Hmax	**314**	-8 ▼	-166 ▼	-108 ▼	308	302	296	291	286
					Hmin	**302**	-10 ▼	-175 ▼	-114 ▼	295	289	284	279	274
	Châu Đốc	300	350	**400**	Hmax	**225**	-16 ▼	-117 ▼	-97 ▼	220	215	220	225	230
					Hmin	**176**	-9 ▼	-141 ▼	-121 ▼	170	165	160	165	170
	Long Xuyên	190	220	**250**	Hmax	**190**	-17 ▼	-78 ▼	-24 ▼	180	190	200	210	220
					Hmin	**109**	-9 ▼	-83 ▼	-50 ▼	104	109	114	120	125
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	**330**	Hmax	**204**	-16 ▼	-101 ▼	-66 ▼	191	196	201	206	210
					Hmin	**137**	-11 ▼	-122 ▼	-100 ▼	132	137	142	148	150
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	**400**	Hmax	**234**	-6 ▼	-126 ▼	-79 ▼	231	228	225	222	220
					Hmin	**231**	-3 ▼	-127 ▼	-77 ▼	227	224	221	218	215
	Vĩnh Gia	200	240	**280**	Hmax	**130**	0 ◀▶	-64 ▼	-52 ▼	129	128	127	126	125
					Hmin	**127**	-1 ◀▶	-65 ▼	-52 ▼	126	125	124	123	122
	Vĩnh Điều	170	200	**230**	Hmax	**128**	1 ◀▶	-31 ▼	-3 ▼	127	126	125	124	123
					Hmin	**123**	-1 ◀▶	-33 ▼	-5 ▼	122	121	120	119	118
T3	Vĩnh Phú	150	180	**210**	Hmax	**113**	1 ◀▶	-33 ▼	-8 ▼	112	111	110	109	108
					Hmin	**110**	0 ◀▶	-34 ▼	-8 ▼	109	108	107	106	105
T5	Nông Trường	160	190	**220**	Hmax	**124**	-1 ◀▶	-35 ▼	-4 ▼	123	122	121	120	119
					Hmin	**123**	-1 ◀▶	-31 ▼	-2 ▼	122	121	120	119	118
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	**280**	Hmax	**161**	-3 ▼	-75 ▼	-56 ▼	159	157	155	153	151
					Hmin	**157**	-4 ▼	-77 ▼	-59 ▼	155	153	151	149	148
	Cô Tô	140	180	**220**	Hmax	**165**	-1 ◀▶	-36 ▼	-6 ▼	164	163	162	161	160
					Hmin	**162**	-1 ◀▶	-36 ▼	-7 ▼	161	160	159	158	157
	Nam Thái Sơn	90	120	**150**	Hmax	**116**	0 ◀▶	-17 ▼	5 ▲	115	114	113	112	111
					Hmin	**114**	1 ◀▶	-16 ▼	5 ▲	113	112	111	110	109
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	**250**	Hmax	**131**	-2 ▼	-47 ▼	-48 ▼	130	129	128	127	126
					Hmin	**129**	-1 ◀▶	-46 ▼	-47 ▼	128	127	126	125	124
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	**220**	Hmax	**173**	4 ▲	-24 ▼	3 ▲	172	171	170	169	168
					Hmin	**163**	1 ◀▶	-28 ▼	-3 ▼	162	161	160	159	158
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	**270**	Hmax	**199**	-2 ▼	-72 ▼	-33 ▼	189	190	195	200	205
					Hmin	**179**	-7 ▼	-84 ▼	-45 ▼	174	179	184	190	195
RG-LX	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**160**	4 ▲	-32 ▼	-18 ▼	154	155	158	160	165
					Hmin	**142**	-5 ▼	-38 ▼	-28 ▼	137	141	144	147	150

RG-LX	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**132**	0	◀▶	-9	▼	13	▲	132	132	131	130	129
					Hmin	**127**	4	▲	-12	▼	11	▲	127	126	125	124	123
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**105**	0	◀▶	-5	▼	-3	▼	105	105	104	103	102
					Hmin	**105**	5	▲	-4	▼	-1	◀▶	105	104	103	102	101
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**61**	-9	▼	11	▲	2	▲	59	57	55	53	51
					Hmin	**3**	-6	▼	-15	▼	-4	▼	5	7	8	9	10
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**57**	-14	▼	9	▲	1	◀▶	55	53	51	49	47
					Hmin	**-18**	-9	▼	-1	◀▶	-3	▼	-19	-19	-18	-17	-16

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

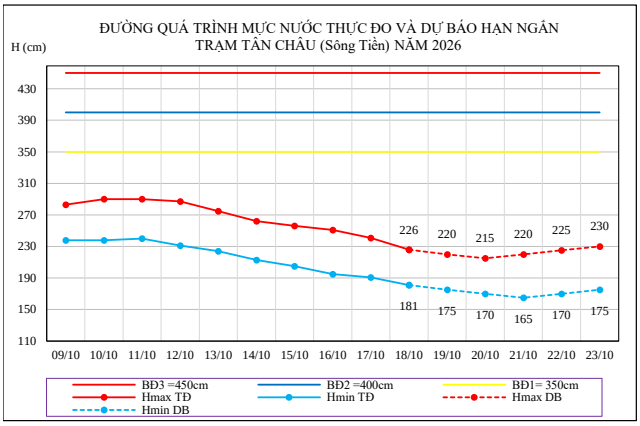

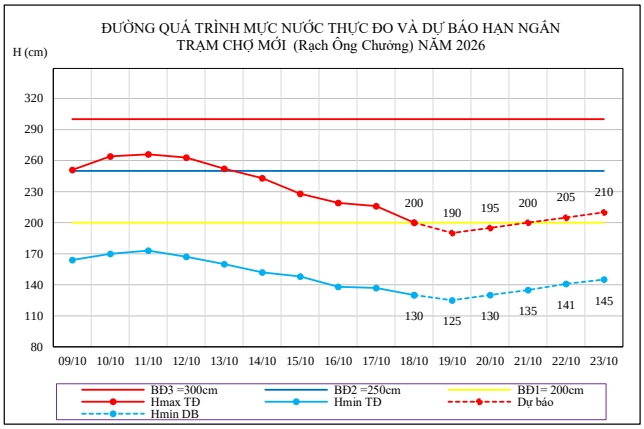

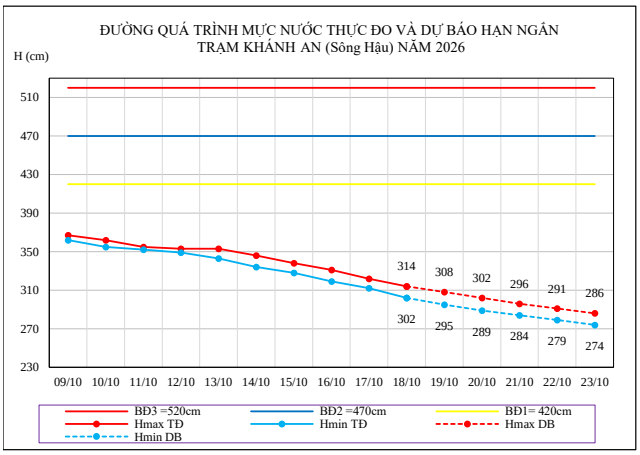

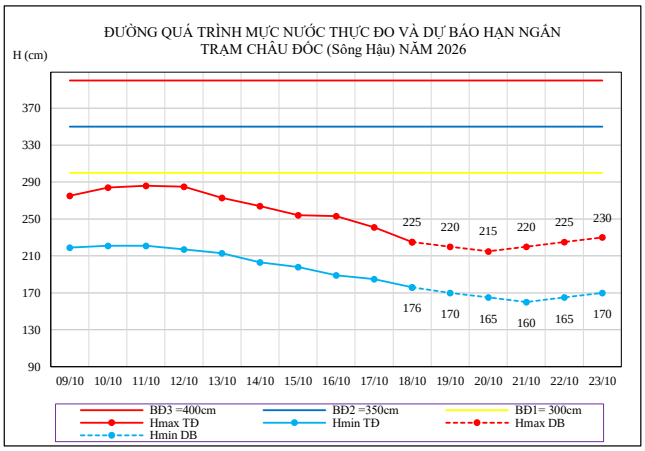

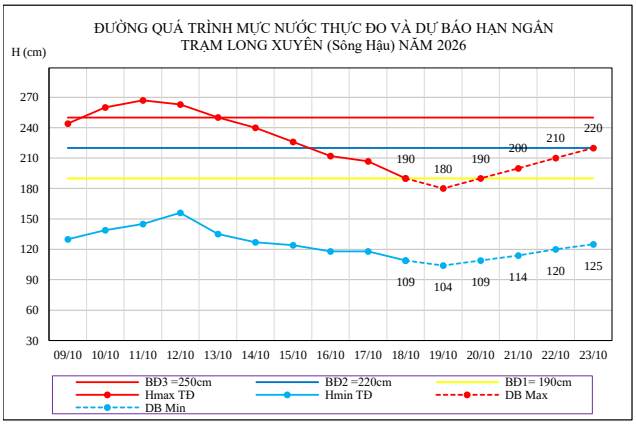

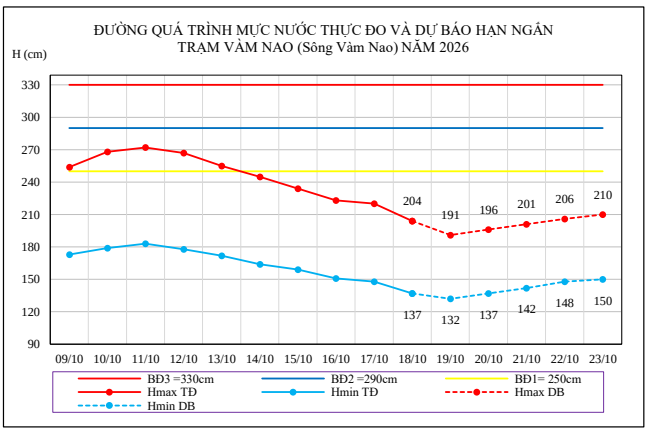

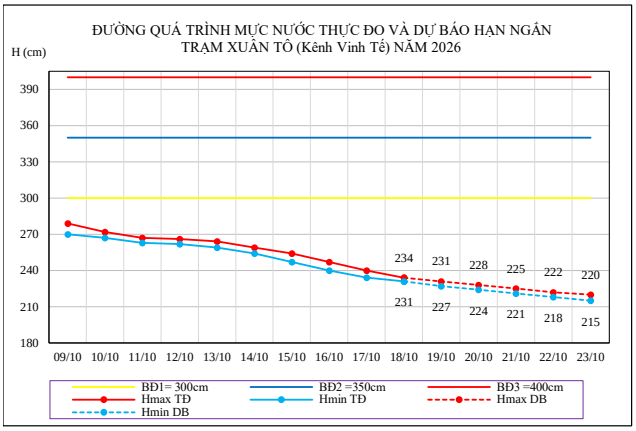
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 300cm
BĐ2 =350cm
BĐ3 =400cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

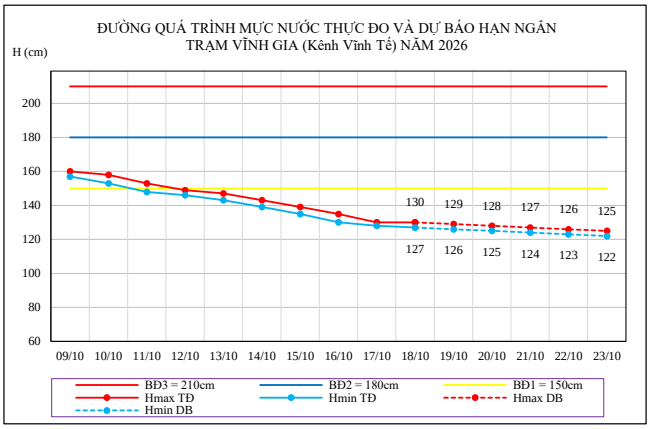
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 = 210cm
BĐ2 = 180cm
BĐ1 = 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

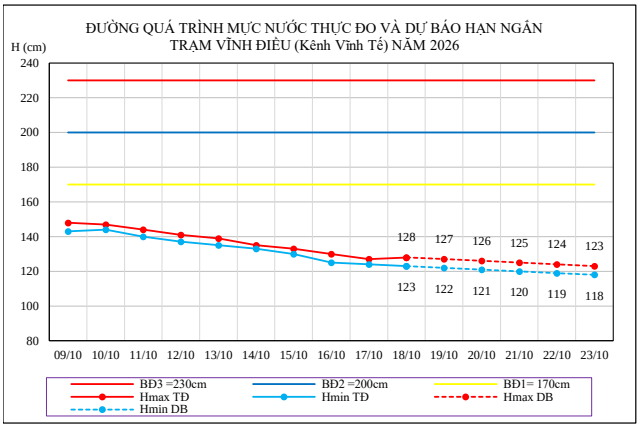
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =230cm
BĐ2 =200cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

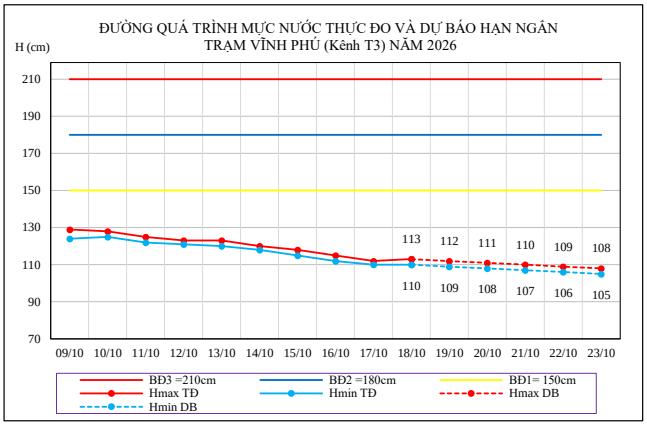
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =210cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

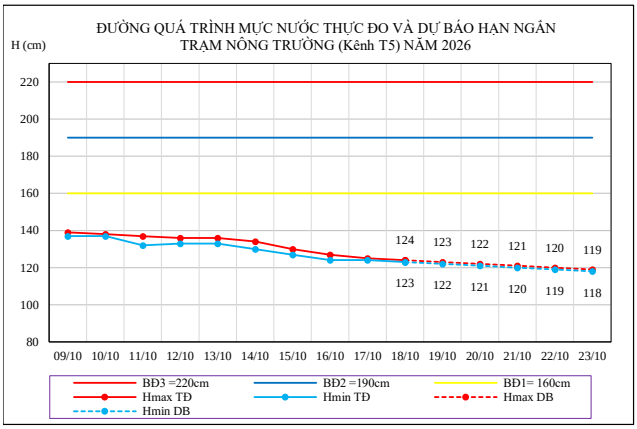
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =190cm
BĐ1= 160cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

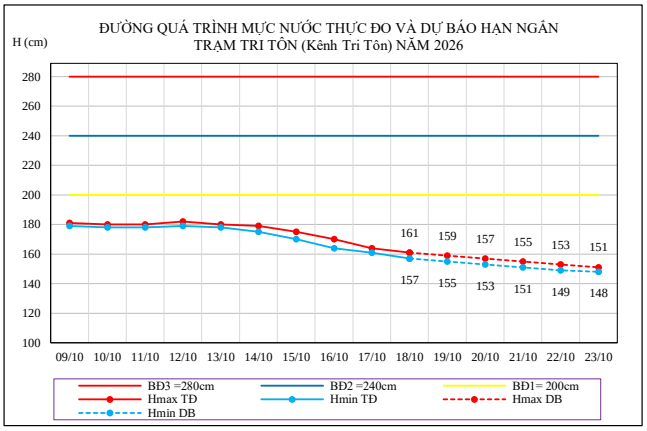
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =280cm
BĐ2 =240cm
BĐ1= 200cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

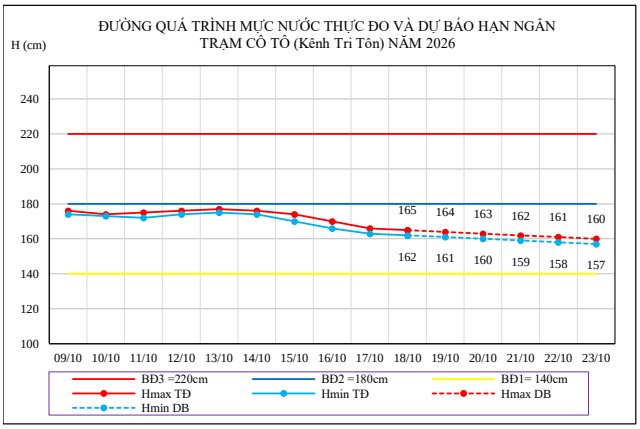
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

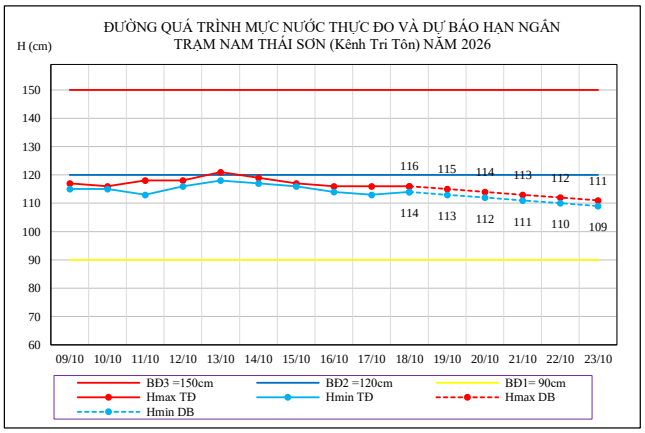
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

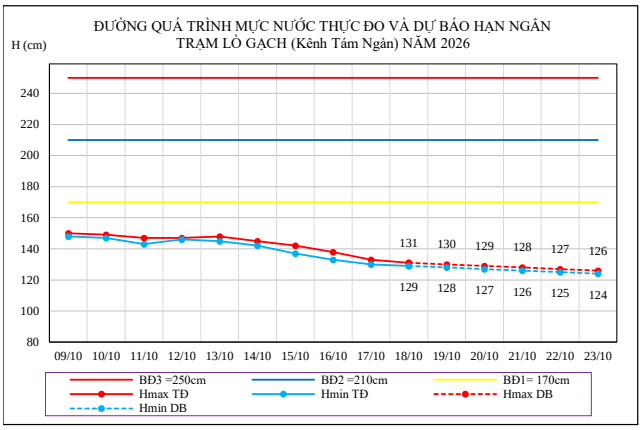
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =250cm
BĐ2 =210cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

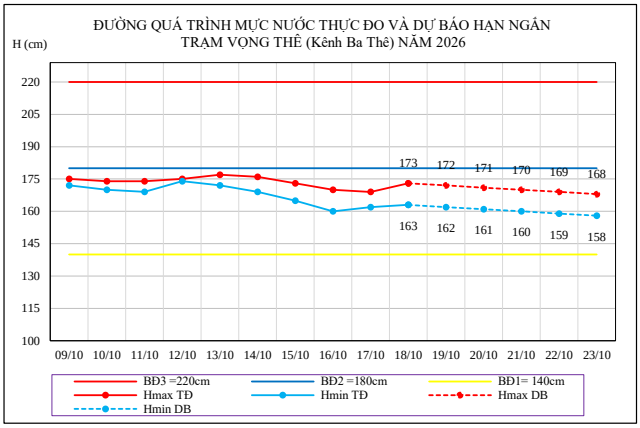
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

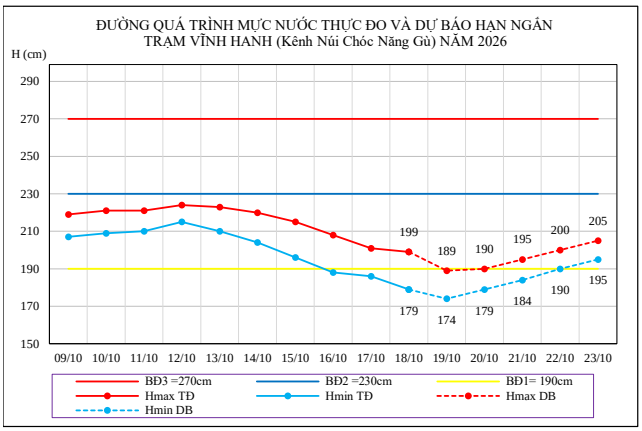
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =270cm
BĐ2 =230cm
BĐ1= 190cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

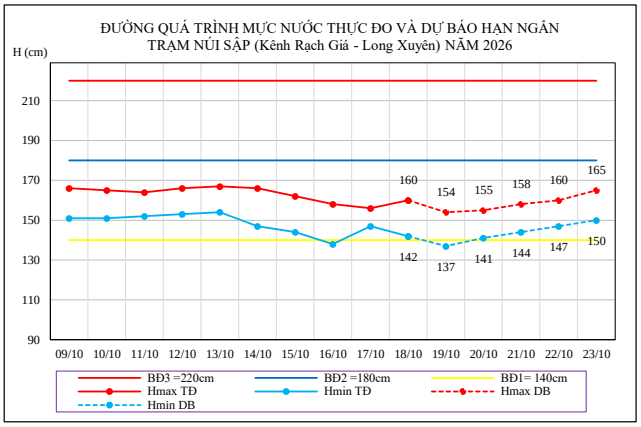
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

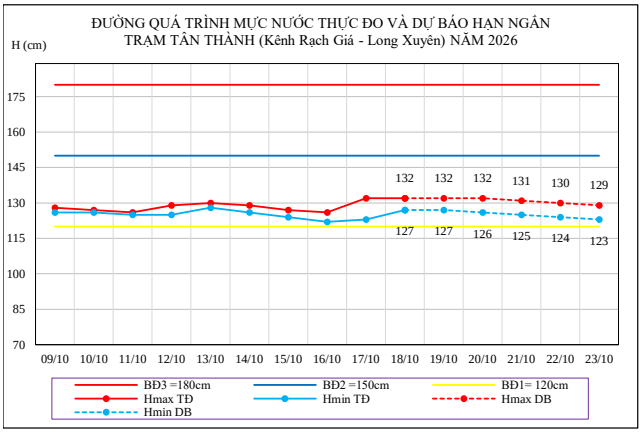
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =180cm
BĐ2 =150cm
BĐ1= 120cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

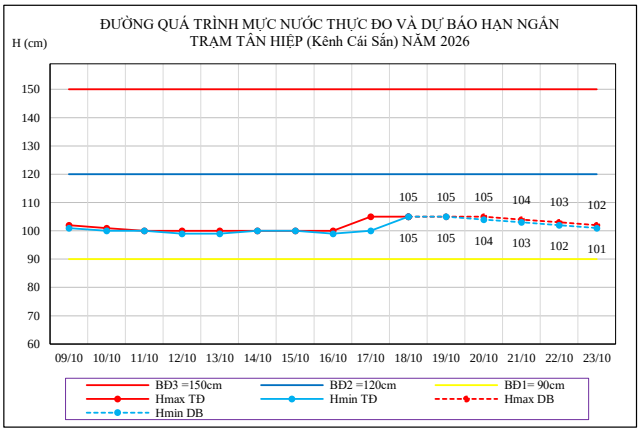
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

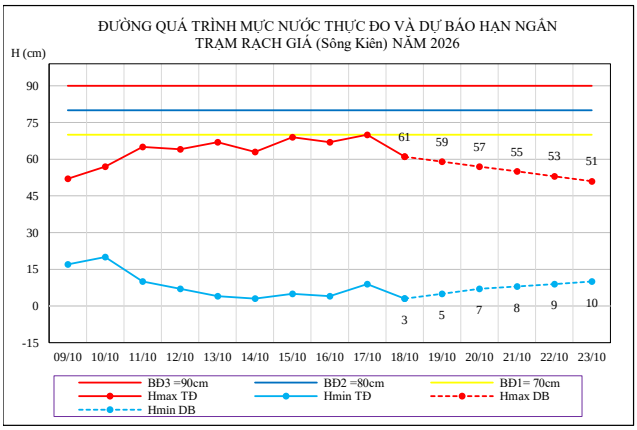
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =90cm
BĐ2 =80cm
BĐ1= 70cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

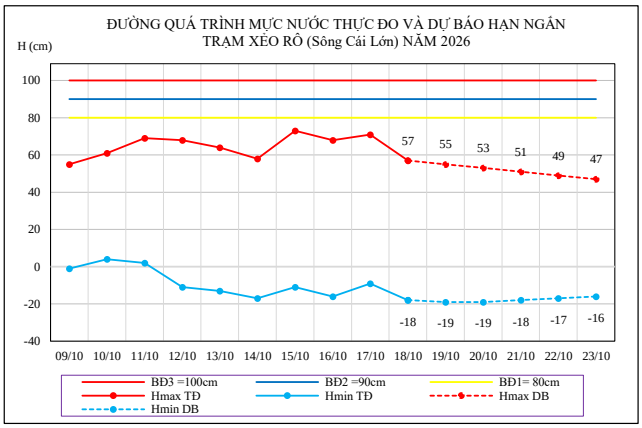
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =100cm
BĐ2 =90cm
BĐ1= 80cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB